

FDI vào Việt Nam trong đại dịch Covid-19 và triển vọng^(*)

VŨ THANH HƯƠNG*

NGUYỄN THỊ HẢI LÝ**

Tóm tắt: Bài viết phân tích dòng vốn FDI vào Việt Nam trong đại dịch Covid-19 và so sánh với giai đoạn trước Covid-19 để thấy được những thay đổi của FDI vào Việt Nam khi cuộc khủng hoảng này xảy ra. Kết quả cho thấy đại dịch Covid-19 đã có ảnh hưởng nhất định đến FDI vào Việt Nam nhưng những tác động này không quá lớn. Mặc dù tổng vốn đăng ký, vốn đăng ký cấp mới, vốn thực hiện và số dự án FDI mới trong Covid-19 đều giảm so với cùng kỳ năm trước, nhưng tổng vốn đăng ký tăng thêm vẫn tăng so với cùng kỳ năm trước và vốn thực hiện vẫn tăng đều qua ba quý đầu năm 2020. Từ các kết quả đó, đồng thời dựa trên các nhận định về triển vọng nền kinh tế thế giới và Việt Nam, dòng FDI toàn cầu. Bài viết chỉ ra rằng, triển vọng thu hút FDI của Việt Nam năm 2021 là khả quan nếu Việt Nam có thể tận dụng ưu thế của mình trong giai đoạn hiện nay.

Từ khoá: FDI, Covid-19, Việt Nam.

1. Mở đầu

Việt Nam, đã đạt được những thành công nhất định trong việc tạo ra môi trường kinh doanh thuận lợi để thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Điều đó đã góp phần làm cho nguồn vốn FDI vào Việt Nam ngày càng tăng. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (2020a), chỉ tính riêng năm 2019, đã có 125 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào 19 ngành, lĩnh vực tại Việt Nam, trong đó tập trung nhiều nhất vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo. Năm 2019, tổng vốn FDI vào Việt Nam đạt gần 38,02 tỷ USD, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm

2018. Vốn thực hiện của các dự án FDI ước tính đạt 20,38 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2018.

Từ đầu năm 2020, khi đại dịch Covid-19 xuất hiện và bùng phát, nền kinh tế thế giới đã trải qua những ảnh hưởng tiêu cực trên nhiều khía cạnh như tốc độ tăng trưởng GDP, thương mại, du lịch, tài chính, thị trường hàng hoá và niềm tin của nhà đầu tư. Dòng vốn FDI toàn cầu cũng giảm sút và sẽ phục hồi khó khăn trong thời gian tới. Cú sốc cung và cầu trên thị trường thế giới, sự gián đoạn của các chuỗi giá trị toàn cầu và sự dịch chuyển của các chuỗi cung ứng đã làm thu hẹp dòng FDI ở nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh các tác động tiêu cực, đại dịch Covid-19 có thể mang lại cho Việt Nam một số cơ hội và triển vọng

* Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội
(*) Bài viết trong khuôn khổ đề tài cấp ĐHQGHN số QG 19.43 "Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam" do ĐHQGHN tài trợ.

mới trong việc thu hút đầu tư nhờ sự dịch chuyển dòng vốn từ Trung Quốc và các quốc gia khác trên thế giới khi Việt Nam được đánh giá là kiểm soát đại dịch thành công đến thời điểm hiện nay. Do đó, việc nhìn nhận dòng vốn FDI vào Việt Nam trong bối cảnh Covid-19 và so sánh với giai đoạn trước Covid-19, từ đó đưa ra một số nhận định về triển vọng thu hút FDI của Việt Nam cuối năm 2020, đầu năm 2021 có ý nghĩa quan trọng nhằm giúp đưa ra hàm ý đối với việc đẩy mạnh thu hút nguồn vốn FDI của Việt Nam trong giai đoạn tới.

2. Cơ cấu FDI vào Việt Nam trong bối cảnh Covid-19

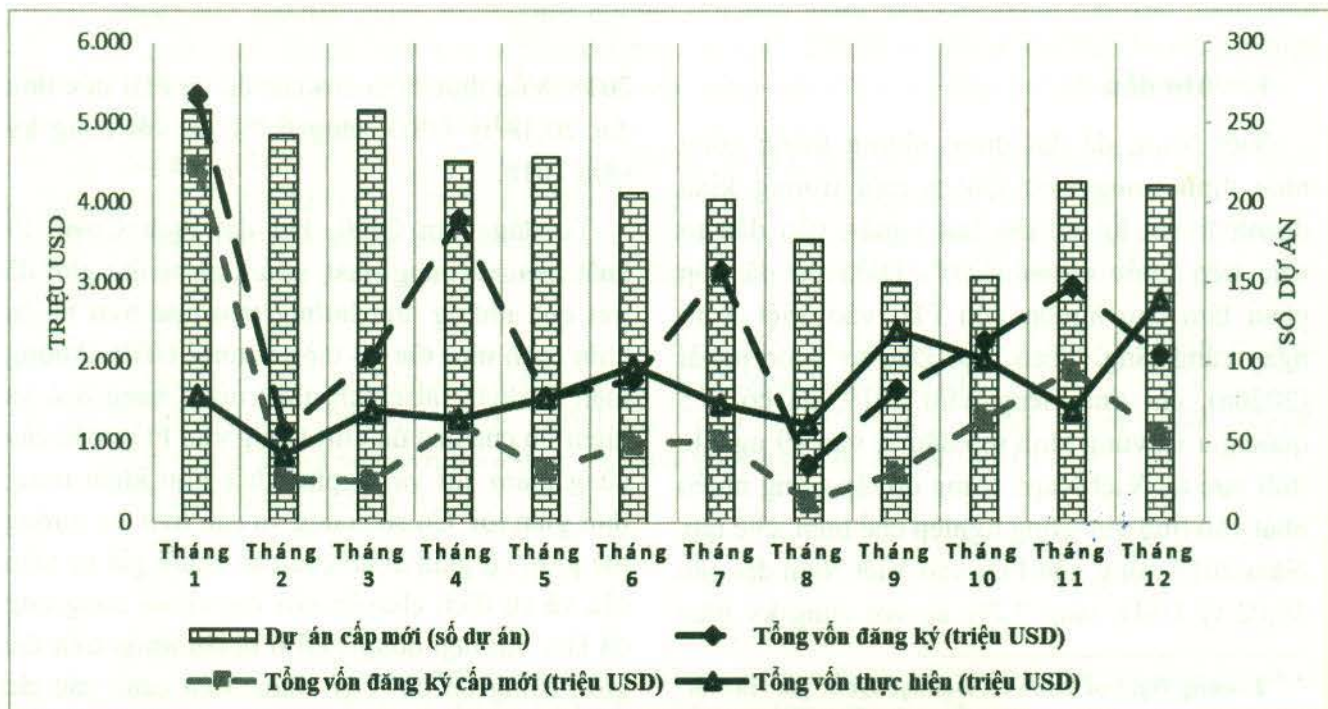
2.1. Tổng vốn và số dự án FDI

Trong những tháng đầu năm 2020, đại dịch Covid-19 với những diễn biến phức tạp trên phạm vi toàn cầu đã có tác động lớn đến ý định mở rộng đầu tư cũng như thực hiện các quyết định đầu tư mới của các MNCs, làm cho dòng

vốn FDI toàn cầu giảm mạnh. Nguồn vốn FDI vào Việt Nam cũng có sự suy giảm so với cùng kỳ năm 2019, tuy nhiên vẫn thể hiện một số tín hiệu tích cực.

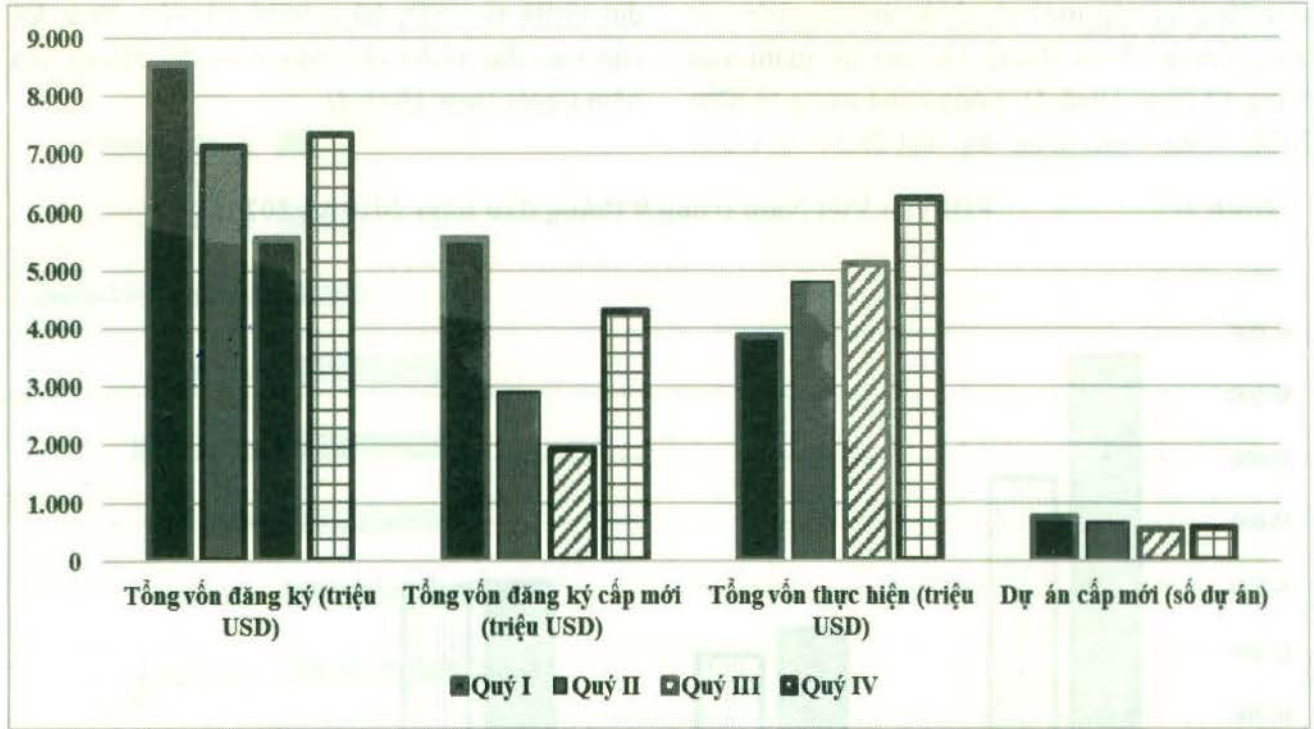
Trong Quý I năm 2020, FDI vào Việt Nam giảm mạnh vào tháng 2 do những ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và thời gian nghỉ Tết, sau đó tăng trở lại vào tháng 3 (xem Hình 1). Trong toàn bộ Quý I, tổng vốn FDI đăng ký đạt 8,55 tỷ USD, bằng 79,1% so với cùng kỳ năm 2019 (xem Hình 2); Tuy nhiên, tín hiệu tích cực là vẫn tăng so với cùng kỳ các năm 2016, 2017 và 2018. Nguồn vốn FDI đăng ký cấp mới đạt 5,5 tỷ USD, tăng 44,8% so với cùng kỳ năm trước (Cục Đầu tư nước ngoài, 2020b). Vốn thực hiện trong ba tháng đầu năm 2020 đạt 3,8 tỷ USD, bằng 93,4% so với cùng kỳ năm 2019. Cũng trong thời gian này, có 758 dự án được cấp phép mới, giảm 3,4% về số dự án về so với cùng kỳ năm trước.

Biểu 1: FDI vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2020



Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Cục Đầu tư nước ngoài năm 2020.

Hình 2: FDI vào Việt Nam trong năm 2020



Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Cục đầu tư nước ngoài năm 2020.

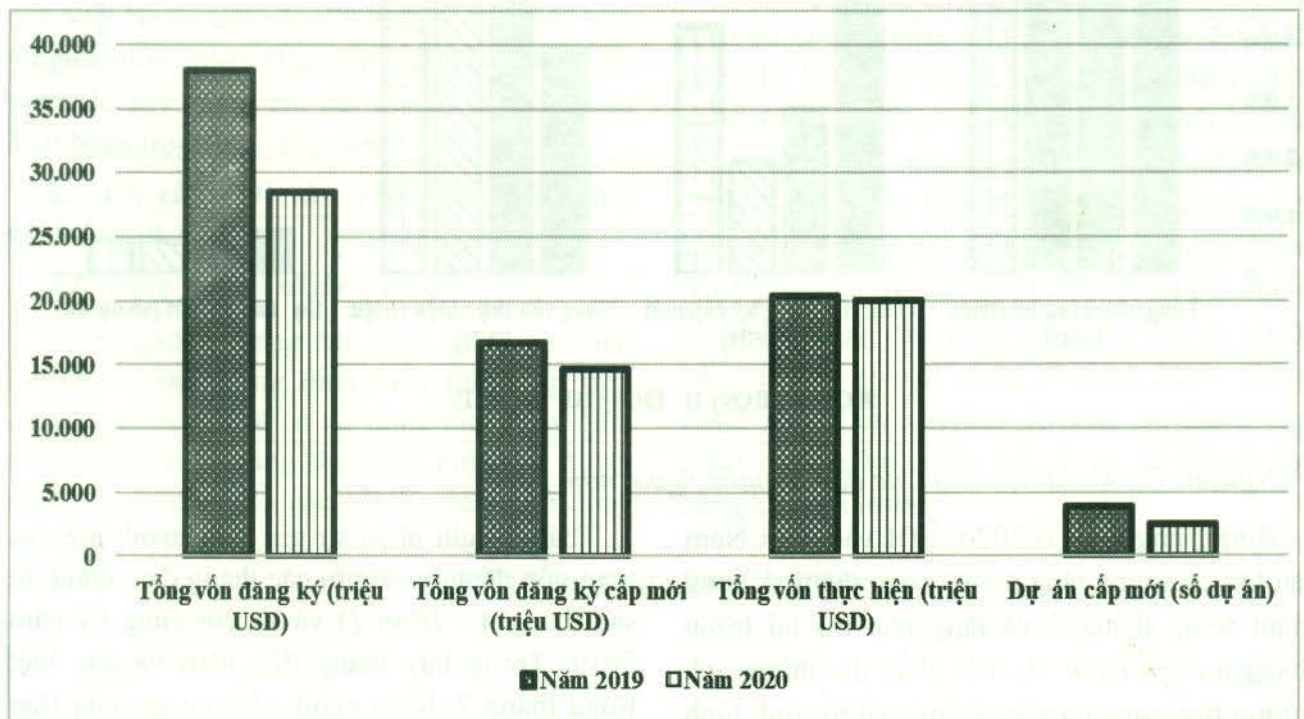
Bước sang Quý II/2020, FDI vào Việt Nam sau khi có sự gia tăng mạnh trong tháng 4, song giảm trong tháng 5 và tăng nhẹ trở lại trong tháng 6 (xem Hình 1), một phần do những ảnh hưởng tích cực của việc kiểm soát tốt tình hình dịch bệnh của Việt Nam. Tổng cộng trong Quý II, tổng nguồn vốn FDI đăng ký đạt 7,1 tỷ USD, giảm 16,79% so với Quý I/2020, trong đó tổng vốn cấp mới đạt 2,9 tỷ USD và số dự án cấp mới là 660 dự án (Xem Hình 2). Một trong những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nguồn vốn đăng ký mới giảm mạnh trong Quý II là do diễn biến phức tạp hơn của đại dịch Covid-19 trên toàn cầu. Tuy nhiên, tổng vốn FDI thực hiện trong quý này tiếp tục tăng mạnh, đạt 4,8 tỷ USD, tăng 24,68% so với cùng kỳ năm trước và tăng 37,14% so với Quý I. Như vậy, trong sáu tháng đầu năm 2020, FDI đã và đang chảy mạnh vào các dự án đã được cấp phép và đang được triển khai trong khi các nguồn vốn đổ vào các dự án mới giảm.

Tháng 7 ghi nhận sự gia tăng mạnh mẽ của tổng vốn đăng ký so với các tháng đầu năm (chỉ sau tháng 4 - Hình 1) và so với cùng kỳ năm 2019. Trong bảy tháng đầu năm và đặc biệt trong tháng 7, hàng nghìn chuyên gia của Hàn Quốc, Hồng Kông và Nhật Bản tiếp tục được hỗ trợ nhập cảnh vào Việt Nam để duy trì và mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, bước sang tháng 8, cả tổng vốn đăng ký, vốn đăng ký cấp mới, vốn thực hiện và số dự án mới đều giảm mạnh so với bốn tháng trước đó. Sự sụt giảm trong tháng 8 liên quan đến đợt bùng phát Covid-19 ở Việt Nam lần thứ hai, vì thế các nhà đầu tư tạm ngừng các hoạt động để theo dõi diễn biến của tình hình dịch bệnh. Bước sang tháng 9, với những tín hiệu tích cực từ việc kiểm soát tốt làn sóng dịch bệnh thứ hai ở Việt Nam, cả tổng vốn đăng ký, vốn cấp mới và vốn thực hiện đều tăng mạnh so với tháng 8 (xem Hình 1). Tổng vốn thực hiện Quý III đạt 5,1 tỷ USD, tăng 6,45% so với Quý II (Cục Đầu tư nước ngoài, 2020c; 2020d; 2020e).

Bước sang Quý cuối cùng của năm, cả tổng vốn đăng ký cấp mới và số dự án tăng liên tục trong tháng 10 và tháng 11, sau đó giảm vào tháng 12 (xem Hình 1). Tổng cộng trong cả năm 2020, tổng vốn đăng ký đạt 28,53 tỷ USD,

bằng 75% so với năm 2019. Vốn thực hiện đạt 19,98 tỷ USD, bằng 98% và vốn đăng ký cấp mới đạt 14,65 tỷ USD, bằng 87,5% so với năm ngoái (xem Hình 3).

Hình 3: FDI vào Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2019 và 2020



Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Cục Đầu tư nước ngoài năm 2019 và 2020.

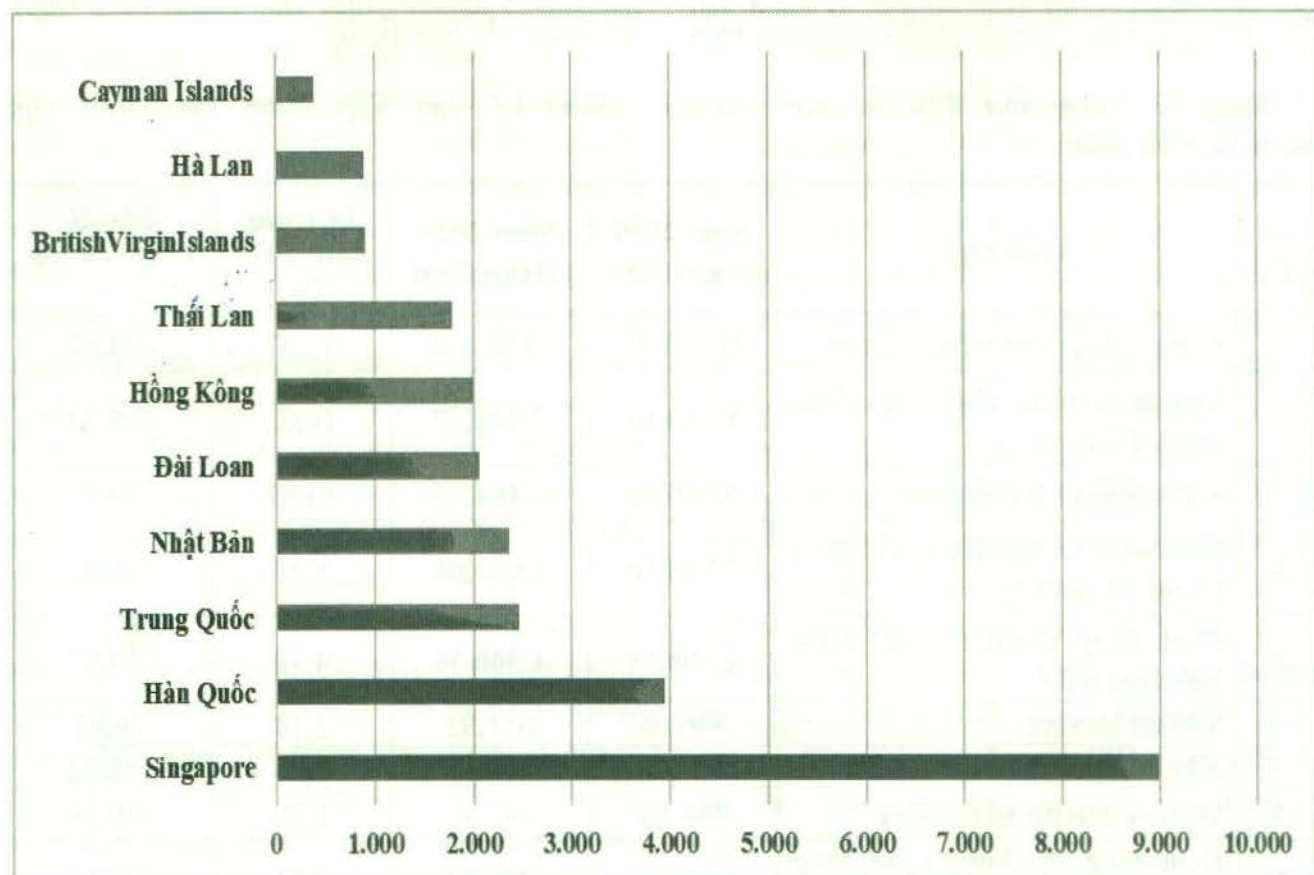
2.2. FDI theo đối tác

Trong năm 2020, các hoạt động xúc tiến đầu tư có sự thay đổi lớn. Số lượng các đoàn sang làm việc tìm hiểu cơ hội đầu tư có sự suy giảm mạnh, đặc biệt là từ các đối tác lớn như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, ASEAN, Mỹ và EU. Nhiều hoạt động hội thảo, hội nghị và diễn đàn về đầu tư phần phải hoãn hoặc hủy. Đã có 111 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Singapore là nhà đầu tư lớn nhất (Hình 4), chiếm 32% tổng vốn tổng vốn đầu tư vào Việt Nam. Hàn Quốc đứng thứ hai với tỷ trọng 15% tổng vốn đầu tư. Các nhà đầu

tư lớn khác vào Việt Nam là Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan... So với danh sách mười quốc gia đầu tư vào Việt Nam lớn nhất năm 2019 thì danh sách năm 2020 (tính đến hết tháng 9) có thêm Cayman Island trong khi Samoa ra khỏi danh sách. Ngoài ra, thứ tự các nhà đầu tư lớn nhất cũng có sự thay đổi đáng kể khi Singapore từ vị trí thứ ba năm 2019 vươn lên vị trí thứ nhất năm 2020. Tương ứng, Trung Quốc từ vị trí thứ năm vươn lên thứ 3, Hàn Quốc từ vị trí thứ nhất tụt xuống vị trí thứ hai, Hồng Kông từ vị trí thứ 2 tụt xuống vị trí thứ 6...

Hình 4: FDI vào Việt Nam theo đối tác đầu tư trong 9 tháng đầu năm 2020

Đơn vị: triệu USD



Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài (2020e).

2.3. FDI theo ngành

Năm 2020, các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 18 ngành, lĩnh vực, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 13 tỷ USD, chiếm 47,67% tổng vốn đầu tư đăng ký (xem Bảng 1). Lĩnh vực sản xuất, phân phối điện đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư trên 5,1 tỷ USD, chiếm 18,0% tổng vốn đầu tư đăng ký. Tiếp theo lần lượt là kinh doanh bất động sản; Bán buôn bán lẻ; Hoạt động chuyên môn và khoa học công nghệ.

Năm nhóm ngành trên thu hút nhiều vốn FDI nhất trong năm 2020 của Việt Nam, chiếm đến hơn 90% tổng vốn đăng ký. Trừ sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hoà; Bốn nhóm còn lại cũng thuộc nhóm năm ngành thu hút FDI lớn

nhất của cùng kỳ năm trước. Danh sách nhóm năm ngành đứng đầu này cũng có sự khác biệt so với cả năm 2019 khi hoạt động chuyên môn và khoa học - công nghệ, bán buôn và bán lẻ không có trong danh sách top 5 của cả năm 2019 mà thay vào đó là dịch vụ lưu trú và ăn uống, xây dựng.

FDI trong hầu hết các lĩnh vực đều suy giảm. Trong năm nhóm thu hút FDI lớn nhất trong chín tháng đầu năm 2020, công nghiệp chế biến chế tạo là ngành có FDI giảm nhiều nhất, giảm đến hơn 44%. FDI vào hoạt động chuyên môn và khoa học công nghệ cũng giảm tới hơn 14% trong khi FDI vào bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy giảm hơn 36%. Trong khi đó, FDI vào ngành sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hoà tăng ấn

tượng (hơn 409%). Hoạt động kinh doanh bất động sản tăng gần 8%. Một số lĩnh vực ngoài top 5 cũng có mức FDI tăng mạnh là Vận tải kho bãi tăng hơn 76%; Nông lâm nghiệp, thủy

sản tăng hơn 112% và giáo dục đào tạo tăng hơn 67%. Như vậy, FDI vào Việt Nam năm 2020 giảm chủ yếu là do FDI vào công nghiệp chế biến, chế tạo giảm.

Bảng 1: Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam theo lĩnh vực năm 2019 và 2020

Số TT	Lĩnh vực	Năm 2019 (Triệu USD)	Năm 2020 (Triệu USD)	Tỷ trọng năm 2020 (%)	Tốc độ tăng trưởng (%)
1	Công nghiệp chế biến, chế tạo	24.561,78	13.601,09	47,67	-44,62
2	Sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa	1.010,10	5.142,57	18,03	409,11
3	Kinh doanh bất động sản	3.876,03	4.184,95	14,67	7,97
4	Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	2.588,10	1.645,64	5,77	-36,41
5	Hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ	1.566,58	1.346,56	4,72	-14,04
6	Vận tải kho bãi	346,06	611,92	2,14	76,82
7	Xây dựng	979,03	559,85	1,96	-42,82
8	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	488,89	341,47	1,20	-30,15
9	Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.171,86	286,84	1,01	-75,52
10	Thông tin và truyền thông	536,60	271,29	0,95	-49,44
11	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	99,32	210,63	0,74	112,08
12	Giáo dục và đào tạo	64,63	108,34	0,38	67,62
13	Cấp nước và xử lý chất thải	249,27	88,01	0,31	-64,69
14	Hoạt động dịch vụ khác	47,07	43,78	0,15	-7,00
15	Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	123,60	40,39	0,14	-67,33
16	Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	211,45	32,56	0,11	-84,60
17	Khai khoáng	35,39	6,37	0,02	-81,99
18	Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	62,74	5,16	0,02	-91,78
19	Hoạt động làm thuê trong các hộ gia đình	0,43	2,70	0,01	527,91
	Tổng	38.018,93	28.530,10	100,00	-24,96

Nguồn: Cơ sở dữ liệu của Cục Đầu tư nước ngoài năm 2019 và 2020.

Tóm lại, đại dịch Covid-19 với hai làn sóng cả trên thế giới và Việt Nam đã làm cho sản xuất, kinh doanh của nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam bị đình trệ và khó khăn. Việc đi lại của các nhà đầu tư cũng như trao đổi hàng hoá, dịch vụ bị cản trở trên phạm vi toàn cầu cũng đã ảnh hưởng tiêu cực đến các quyết định đầu tư mới và mở rộng các dự án đầu tư đang thực hiện. Những yếu tố trên đã làm cho tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam, vốn đăng ký cấp mới, vốn thực hiện cũng như số dự án cấp mới trong chín tháng đầu năm 2020 giảm so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, mức giảm của tổng vốn đăng ký cấp mới và vốn thực hiện khá thấp, tương ứng là 5,59% và 3,23%, trong khi vốn đăng ký tăng thêm tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2019. Như vậy, việc giảm tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam chủ yếu do việc góp vốn, mua cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài giảm. FDI vào Việt Nam trong tháng 4, tháng 7 và tháng 9 tăng mạnh khi Việt Nam kiểm soát dịch bệnh tốt. Vốn FDI thực hiện cũng tăng đều qua ba kỳ đầu năm 2020. Xét trong bối cảnh đầu tư toàn cầu suy giảm mạnh do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 thì kết quả này là đáng khích lệ, thể hiện sức hấp dẫn của thị trường Việt Nam cũng như niềm tin đối với các nhà đầu tư quốc tế. Do đó, trong tình hình làn sóng Covid-19 thứ hai tại Việt Nam dường như đã được kiểm soát, triển vọng thu hút FDI của Việt Nam trong những tháng cuối năm có nhiều tín hiệu tích cực.

3. Triển vọng FDI vào Việt Nam năm 2021

3.1. Bối cảnh mới và triển vọng FDI toàn cầu

Nền kinh tế thế giới đang đứng trước nguy cơ suy thoái mạnh mẽ khi đại dịch Covid-19 tiếp tục nằm ngoài tầm kiểm soát và luôn có nguy cơ tái phát ở ngay cả những quốc gia kiểm soát tốt dịch bệnh (IMF, 2020a). Cùng với đó là

căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc có khả năng sẽ tiếp tục trầm trọng thêm trong dài hạn, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng... Những yếu tố kết hợp này đã dẫn đến sự đứt gãy của các chuỗi cung ứng, sự suy giảm cầu hàng hóa. Sự giảm sút trong Covid-19 dẫn đến sự thu hẹp dòng vốn FDI toàn cầu của các MNC (OECD, 2020; UNCTAD, 2020). Trong hai tháng đầu năm 2020, giá trị của các dự án đầu tư mới ở các nước không thuộc OECD giảm 36% so với cùng kỳ năm 2019 và giảm 15 - 30% so với cùng kỳ năm 2018 (OECD, 2020). Kể từ đầu cuộc khủng hoảng Covid-19 đến tháng 3/2020, “các nhà đầu tư đã rút 83 tỷ USD ra khỏi các nước đang phát triển. Đây là dòng vốn chảy ra lớn nhất từng được ghi nhận” (Thomson, 2020). FDI trong lĩnh vực công nghiệp giảm mạnh nhất. Điều này ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nước đang phát triển - khu vực thu hút nhiều nguồn vốn FDI và phụ thuộc lớn vào nguồn vốn này để phát triển kinh tế (OECD, 2020).

Trong bối cảnh mới và bất định của Covid-19, FDI toàn cầu được dự báo sẽ giảm mạnh do các nhà đầu tư không chỉ giảm đầu tư và quy mô sản xuất hiện tại mà còn có nhiều khả năng là tiếp tục ngừng gia tăng đầu tư ra nước ngoài trong thời gian tới. Dòng vốn FDI toàn cầu được dự báo sẽ giảm 40% trong năm 2020 xuống mức dưới 1.000 tỷ USD, giảm tiếp 5 - 10% trong năm 2021 và có thể phục hồi vào năm 2022, nhưng vẫn duy trì thấp hơn mức đáy của cuộc khủng hoảng toàn cầu 2008. Tuy nhiên, dự báo này không chắc chắn vì triển vọng dòng vốn toàn cầu còn phụ thuộc rất lớn vào thời gian kéo dài của đại dịch và hiệu quả của các can thiệp chính sách của các chính phủ. Bên cạnh đó, các rủi ro về địa chính trị và tài chính, tình trạng căng thẳng thương mại, sự bất đồng trong quan điểm của khối G20, sự khó

khẩn của WTO trong điều chỉnh thương mại đa phương cũng làm tăng thêm sự bất định của dòng vốn FDI toàn cầu trong tương lai (UNCTAD, 2020).

Dòng vốn FDI không chỉ giảm mà sẽ tiếp tục dịch chuyển khi các MNC thay đổi địa chỉ đầu tư. Đại dịch Covid-19 sẽ tiếp tục đẩy mạnh việc các MNC dịch chuyển các công đoạn sản xuất đến các quốc gia khác, đặc biệt là dịch chuyển khỏi Trung Quốc sang các nước châu Á khác như Indonesia, Malaysia, Ấn Độ, Việt Nam, Thái Lan, Philippines... Xu thế dịch chuyển dòng vốn FDI đã và đang diễn ra từ trước khi có đại dịch Covid-19 dưới tác động của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Đại dịch Covid-19 là chất xúc tác khiến quá trình dịch chuyển này diễn ra nhanh hơn, quyết liệt hơn để phân tán rủi ro kinh tế cũng như địa chính trị.

Dòng vốn FDI cũng sẽ chuyển hướng đầu tư theo ngành và thay đổi hình thức đầu tư. Hầu hết các lĩnh vực sẽ bị ảnh hưởng, nhưng FDI sẽ tiếp tục giảm mạnh trong các ngành như hàng không, khách sạn, du lịch, nhà hàng và giải trí, lĩnh vực năng lượng (UNCTAD, 2020). Trong khi đó, FDI có thể tăng trong các lĩnh vực liên quan đến y tế, các ngành dựa vào sự phát triển của công nghệ 4.0 và nền tảng số hoá (OECD, 2020). Điều đó là do Covid-19 sẽ tạo động lực mới để các công ty xây dựng một mạng lưới sản xuất linh hoạt hơn, xây dựng chuỗi cung ứng gắn với thị trường bán lẻ. Các MNC có khả năng mong muốn rút ngắn khoảng cách giữa nhà cung cấp và khách hàng, và tích hợp theo chiều dọc nhiều hơn nữa nhằm cải thiện tính linh hoạt trong sản xuất và sự bền vững của các hoạt động kinh doanh. Dưới tác động của Covid-19, các công ty có thể đẩy nhanh xu hướng tái cấu trúc các chuỗi giá trị theo hướng xây dựng chuỗi đơn giản, linh hoạt và ngắn hơn trong bối cảnh chủ nghĩa bảo hộ gia tăng

và nền tảng số hoá sẽ là công cụ để giúp các MNC thực hiện các dịch chuyển mới này trong chuỗi giá trị.

Các nước đang phát triển được dự báo sẽ chứng kiến sự suy giảm FDI lớn nhất vì các quốc gia này phụ thuộc nhiều hơn vào dòng vốn FDI trong các ngành tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu là các ngành bị ảnh hưởng nặng nề nhưng lại không nhận được các giải pháp hỗ trợ nhiều như ở các nước phát triển. Dòng FDI vào châu Phi được dự báo giảm 25% - 40% trong khi dòng FDI vào các nước đang phát triển châu Á sẽ giảm khoảng 30% - 45% do sự dễ tổn thương của các nước này đối với sự gián đoạn của các chuỗi cung ứng, sự phụ thuộc lớn vào FDI trong những ngành tham gia sâu vào các chuỗi giá trị toàn cầu và sức ép từ việc đa dạng hoá địa điểm sản xuất của các MNC. Đặc biệt, dòng vốn FDI vào Trung Quốc có khả năng giảm mạnh do sự suy giảm sức hấp dẫn của nước này đối với các nhà đầu tư khi chi phí nhân công tăng nhanh và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung không có dấu hiệu suy giảm. Đối với các nước phát triển, dòng vốn FDI vào châu Âu sẽ giảm khoảng 30% - 45%, trong khi ở Bắc Mỹ và các nền kinh tế phát triển khác sẽ giảm khoảng 20% - 35%.

Hoạt động M&A toàn cầu giảm mạnh chủ yếu do các nhà đầu tư trì hoãn đàm phán các giao dịch đang dang dở chứ không phải là rút lui khỏi các giao dịch đã đàm phán do gặp khó khăn khi định giá công ty trong tình hình hiện tại. Việc các nhà đầu tư huỷ bỏ các thương vụ đang đàm phán sẽ rất khó và tốn kém, do đó các nhà đầu tư có xu hướng tiếp tục trì hoãn các thương vụ này để chờ xem xét diễn biến phát triển kinh tế trong thời gian tới (OECD, 2020). Vì thế, trong ngắn hạn, từ nay đến đầu năm 2021, nếu nền kinh tế thế giới phục hồi, có khả năng các thương vụ M&A sẽ gia tăng mạnh.

Ngược lại, nếu triển vọng phục hồi nền kinh tế thấp, các nhà đầu tư sẽ bắt đầu huỷ bỏ các giao dịch và làm cho dòng vốn M&A sẽ tiếp tục suy giảm, đặc biệt là ở các nước phát triển, nơi M&A đóng vai trò quan trọng và chiếm đến hơn $\frac{3}{4}$ tổng giá trị các thương vụ M&A toàn cầu. Hiện tượng thoái vốn cũng có khả năng gia tăng nếu triển vọng phục hồi của nền kinh tế thế giới thấp trong năm 2021.

3.2. Bối cảnh và triển vọng FDI vào Việt Nam

Bối cảnh tăng trưởng kinh tế

Khi đại dịch Covid-19 đang gây ra những khó khăn nghiêm trọng cho nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam vẫn có những điểm sáng và được đánh giá khá cao từ các dự báo quốc tế về tốc độ tăng trưởng. Quý III năm 2020, GDP của Việt Nam tăng khoảng 2,62% so với cùng kỳ năm trước. Đây tuy là mức tăng thấp nhất của Quý III kể từ năm 2011 đến nay nhưng cao hơn so với quý trước², cho thấy nền kinh tế đang lấy lại đà tăng trưởng để phục hồi trở lại. Tổng cộng GDP chín tháng đầu năm 2020 của Việt Nam tăng 2,12%. Tuy là mức tăng thấp nhất trong cùng kỳ kể từ năm 2011 đến nay nhưng Việt Nam là quốc gia duy nhất trong ASEAN và thuộc số ít quốc gia trên thế giới đạt mức tăng trưởng dương; Đây là điểm sáng hiếm hoi trong bức tranh kinh tế thế giới chín tháng năm 2020. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 1,84%; Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,08% và khu vực dịch vụ tăng 1,37% (Tổng cục Thống kê, 2020).

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam sau chín tháng đầu năm đạt mức xuất siêu, lên tới gần 17 tỷ USD, gấp 2,6 lần cùng kỳ năm 2018 và gấp 2,3 lần cùng kỳ năm

2019. Xuất khẩu đạt 202,9 tỷ USD, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước, bất chấp sự sụt giảm mạnh của thương mại toàn cầu. Đáng chú ý là khu vực kinh tế trong nước đang là động lực quan trọng thúc đẩy xuất khẩu của Việt Nam với kim ngạch xuất khẩu đạt 71,8 tỷ USD, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước (Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2020).

Với những kết quả khả quan trên, thêm vào đó là nỗ lực cải cách chính sách và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, theo nhiều dự báo trong nước và quốc tế, Việt Nam là quốc gia ASEAN duy nhất tăng trưởng dương trong năm 2020. Theo dự báo của HSBC, tăng trưởng của Việt Nam sẽ đạt 3% trong năm 2020 và có khả năng đạt 8,5% trong năm 2021. Theo AMRO (2020), tăng trưởng GDP của Việt Nam ở mức 3,1% năm 2020 và 7% năm 2021. Theo IMF (2020b), Việt Nam tiếp tục là quốc gia duy nhất trong khu vực Đông Nam Á tăng trưởng dương và được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 1,6% năm 2020; Con số này sẽ đạt 6,7% đến năm 2021. Cũng theo IMF (2020b), năm 2020, nền kinh tế Việt Nam đứng thứ tư khu vực Đông Nam Á, vượt Singapore và Malaysia. Cụ thể, GDP Việt Nam năm 2020 ước tính sẽ đạt 340,6 tỷ USD, vượt Singapore với 337,5 tỷ USD; Malaysia với 336,3 tỷ USD. Trong khi đó, GDP Thái Lan trong năm 2020 đạt 509,2 tỷ USD; Philippines 367,4 tỷ USD; Indonesia 1.088,8 tỷ USD.

Triển vọng dòng vốn FDI vào Việt Nam

Với tác động của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, những bối cảnh mới của nền kinh tế thế giới trong đại dịch Covid-19 và dự đoán về sự suy giảm của dòng FDI toàn cầu, FDI vào Việt Nam những tháng cuối năm tương đối khó khăn để có thể vượt ra khỏi xu hướng này. Tuy nhiên, với bối cảnh tăng trưởng kinh tế chín

² Tốc độ tăng trưởng GDP Quý I 2020 là 3,68%; Quý II: 0,39%.

tháng đầu năm, những dự báo lạc quan về tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới và việc Việt Nam đang có nhiều dấu hiệu quay trở lại trạng thái “bình thường mới”, nếu Việt Nam có thể tận dụng các lợi thế của mình trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt là hai yếu tố gồm khả năng kiểm soát tốt dịch và Hiệp định tự do thương mại Việt Nam - EU (EVFTA) vừa có hiệu lực vào thời điểm đặc biệt này, thì Việt Nam sẽ tái khởi động các hoạt động của nền kinh tế nhanh hơn so với các nước trên thế giới. Đây là những yếu tố giúp Việt Nam trở thành địa điểm để đón nhận các dòng vốn đầu tư đang dịch chuyển hiện nay, từ đó giúp FDI có thể phục hồi về mức của năm 2019 vào cuối năm 2020 và còn có thể gia tăng nhẹ trong nửa đầu năm 2021.

Triển vọng FDI vào Việt Nam theo ngành

Trước đại dịch Covid-19, FDI vào Việt Nam chủ yếu tập trung vào công nghiệp chế biến chế tạo, kinh doanh bất động sản và bán buôn bán lẻ. Từ khi đại dịch Covid-19 xảy ra, các nhà đầu tư nước ngoài đã và đang dịch chuyển đầu tư sang các lĩnh vực gồm công nghệ thông tin, công nghệ cao như Samsung; Thiết bị điện tử và phụ kiện như Panasonic; Logistics và thương mại điện tử như Alibaba và hàng tiêu dùng, bán lẻ như Zara, H&M. Trong tương lai gần, FDI sẽ tiếp tục tăng vào ngành chế biến chế tạo, đặc biệt là các mặt hàng liên quan đến máy móc thiết bị như máy tính, điện thoại và linh kiện điện tử, là những ngành mà trước khi đại dịch diễn ra Việt Nam đã là lựa chọn của các tập đoàn lớn trong ngành điện tử như Samsung, LG, Intel, Panasonic...

Ngoài các lĩnh vực trên, các dự án FDI trong tương lai có thể sẽ tăng vào những nhóm hàng Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu như dệt may, đồ gỗ, các nhóm hàng chế biến và giao thương lớn trong khu vực châu Á như thực phẩm, giấy,

nhựa và cao su, sản phẩm kim loại, vật liệu xây dựng. Trong lĩnh vực dệt may, Việt Nam có triển vọng đầy mạnh thu hút FDI trong sản xuất khẩu trang, đồ bảo hộ lao động. Y tế sẽ là ngành tiềm năng có khả năng thu hút FDI trong thời gian tới do Việt Nam được đánh giá là kiểm soát dịch tốt và bắt đầu tiến hành sản xuất các thiết bị y tế hỗ trợ cho việc chống dịch. Ngành năng lượng cũng là một ngành đầy tiềm năng để thu hút FDI vào Việt Nam do nhu cầu sử dụng năng lượng của Việt Nam ngày càng cao và đây cũng là lĩnh vực ưu tiên hàng đầu của Chính phủ.

Triển vọng FDI vào Việt Nam theo đối tác đầu tư

Việt Nam có triển vọng tăng thu hút dòng FDI dịch chuyển từ Trung Quốc. Khi mà các MNC đang thúc đẩy việc sắp xếp lại các chuỗi sản xuất để giảm rủi ro, đa dạng hoá chuỗi sản xuất và tận dụng các cơ hội mới từ các thị trường tiềm năng mới. Trong bối cảnh đó, Việt Nam đang nổi lên như là một điểm đến tiềm năng do môi trường kinh doanh ngày càng được cải thiện; Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư sửa đổi đã tạo hành lang, môi trường thuận lợi hơn cho việc thu hút đầu tư; Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam ngày càng sâu rộng; Mức sống người dân ngày càng tăng; Có sự tương đồng với Trung Quốc về văn hóa, chính trị, vị trí địa lý nên là địa điểm giúp các nhà đầu tư giảm chi phí dịch chuyển sản xuất trong khi vẫn duy trì mối liên hệ chặt chẽ với các cơ sở sản xuất hiện có tại Trung Quốc. Trên thực tế, trong những tháng đầu năm 2020, một số MNC đã có kế hoạch dịch chuyển đầu tư đến Việt Nam như Google có kế hoạch sản xuất smartphone giá rẻ (Pixel 4a) trong khi Microsoft dự định sản xuất notebook và máy tính tại Việt Nam, còn Apple sẽ sản xuất tai nghe không dây (AirPods) tại Việt Nam thay vì Trung Quốc với ba đến bốn triệu đơn vị, tương đương 30% lượng sản phẩm

AirPods. Công ty sản xuất cơ giới và máy móc xây dựng Komatsu vì dịch Covid-19 cũng chuyển dây chuyền sản xuất linh kiện sử dụng cho khung xe cơ giới và bộ dây dẫn điện về Nhật Bản và sang Việt Nam. Như vậy, triển vọng Việt Nam thu hút được dòng vốn FDI dịch chuyển từ Trung Quốc sẽ diễn ra hiện thực hơn và nhanh hơn dưới tác động của đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng quá trình dịch chuyển của các MNCs ra khỏi Trung Quốc sẽ không diễn ra ngay lập tức mà phải có lộ trình, thông thường khoảng từ 2 đến 5 năm. Các chuỗi cung ứng toàn cầu đã được hoàn thiện và các MNC không thể nhanh chóng dịch chuyển do phải tính toán đến bài toán chi phí, lợi ích của việc dịch chuyển và phải xây dựng chiến lược dịch chuyển cụ thể, hiệu quả trước khi thực hiện. Ngoài ra, sự dịch chuyển này có thể chỉ là dịch chuyển một phần chuỗi cung ứng để giúp các MNC đa dạng hoá chuỗi cung ứng và giảm rủi ro, chứ không phải là dịch chuyển toàn bộ ra khỏi Trung Quốc do đây vẫn là thị trường hấp dẫn, quy mô lớn và nhiều lợi thế về công nghiệp phụ trợ, nhân lực và hệ sinh thái công nghệ cao. Do đó, cơ hội thu hút dòng vốn dịch chuyển khỏi Trung Quốc là hiện thực, nhưng sẽ không phải là sự di chuyển ồ ạt, nhanh, ngắn hạn. Bên cạnh đó, tốc độ dịch chuyển của dòng vốn FDI từ Trung Quốc vào Việt Nam còn phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của doanh nghiệp, năng lực của nền kinh tế và chính sách thu hút FDI của Việt Nam trong thời gian tới.

Việt Nam cũng có triển vọng tăng thu hút dòng vốn FDI trên toàn cầu khi các MNC mở rộng và đa dạng chuỗi cung ứng do Việt Nam là điểm sáng trong kiểm soát Covid-19; i) Là thị trường tiềm năng với gần 100 triệu dân; ii) Có chi phí rẻ hơn một số nước ASEAN khác như Malaysia, Singapore, Thái Lan và Indonesia, đặc biệt là chi phí nhân công và thuê đất; iii) Có nhiều hiệp định thương mại tự do với các quốc

gia trên thế giới. Điển hình là trong khuôn khổ chương trình hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản cho các doanh nghiệp nhằm đa dạng chuỗi cung ứng tới các nước ASEAN, trong số 30 doanh nghiệp tham gia chương trình thì có 15 doanh nghiệp muốn mở thêm nhà máy tại Việt Nam (Thùy An, 2020). Ngoài các MNC từ Nhật Bản, các MNC từ Hàn Quốc - đối tác đầu tư hàng đầu của Việt Nam, từ EU - nơi Việt Nam có lợi thế là EVFTA vừa có hiệu lực từ 1/8/2020, từ Mỹ - nơi căng thẳng thương mại với Trung Quốc có xu hướng leo thang - cũng có khả năng sẽ mở rộng đầu tư sang Việt Nam. Triển vọng này cũng phù hợp với chủ trương của Việt Nam là thu hút FDI theo hướng tăng chất lượng, thân thiện với môi trường và hướng vào công nghệ cao. Tuy nhiên, có một số điểm hạn chế triển vọng thu hút các MNC tìm đến Việt Nam như là một điểm đầu tư mới khi tỷ lệ nội địa hoá của Việt Nam còn thấp, thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ và minh bạch.

Triển vọng thu hút FDI của Việt Nam trong thời gian tới cũng có những tín hiệu tích cực khi Việt Nam ghi nhận những dấu ấn mới trong hội nhập kinh tế quốc tế với việc EVFTA có hiệu lực trong bối cảnh thế giới đang phải đối đầu với Covid-19. Việc EVFTA có hiệu lực trong thời điểm đặc biệt này sẽ đem đến cho Việt Nam những cơ hội quý giá cũng như những lợi thế hơn so với các quốc gia khác trong thu hút dòng vốn không chỉ từ các doanh nghiệp EU mà còn cả các doanh nghiệp trên thế giới mong muốn tiếp cận với thị trường EU. Thu hút được dòng vốn từ EU cũng sẽ đem đến triển vọng tăng chất lượng của FDI vào Việt Nam, đặc biệt là trong các lĩnh vực thế mạnh của các doanh nghiệp EU như công nghiệp chế biến chế tạo sử dụng công nghệ cao, năng lượng sạch, năng lượng tái tạo... Ngoài ra, FDI từ EU vào Việt Nam cũng có thể gia tăng trong các ngành dịch

vụ được Việt Nam mở cửa sâu hơn so với cam kết trong WTO và đồng thời là thế mạnh của EU như dịch vụ tài chính, logistics, dịch vụ máy tính, dịch vụ môi trường, giáo dục bậc cao, phân phối, viễn thông và y tế. Do đó, EVFTA sẽ đem lại lợi thế và cơ hội quan trọng để Việt Nam thu hút FDI trong giai đoạn tới và điều đó đòi hỏi Việt Nam cần có giải pháp, kế hoạch để nắm bắt tối đa các cơ hội này.

4. Kết luận và một số hàm ý

Bài viết đã phân tích FDI vào Việt Nam trong thời kỳ Covid-19 và so sánh với giai đoạn trước Covid-19. Kết quả cho thấy Covid-19 xảy ra đã có những tác động nhất định đến dòng FDI vào Việt Nam trong năm 2020 nhưng những tác động này không phải là quá lớn. Trong Covid-19, Việt Nam không tránh khỏi xu hướng chung của thế giới khi tổng vốn FDI đăng ký, vốn FDI thực hiện và số dự án cấp mới đều giảm trong năm 2020 so với năm trước. Tuy nhiên, mức giảm của tổng vốn đăng ký cấp mới và vốn thực hiện tương đối thấp. Bên cạnh đó, vẫn có những kết quả đáng khích lệ khi tổng vốn đăng ký tăng thêm vẫn tăng so với năm trước và vốn thực hiện vẫn tăng đều qua các Quý năm 2020. Xét về đối tác, có sự thay đổi về vị trí nhà đầu tư vào Việt Nam khi Singapore, Hàn Quốc và Trung Quốc là ba nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam trong năm 2020. Trong khi đầu tư vào hầu hết các lĩnh vực đều giảm, đầu tư theo lĩnh vực hầu như không thay đổi lớn về thứ tự xếp hạng.

Do đó, để nâng cao hiệu quả thu hút FDI vào nền kinh tế trong thời gian tới chúng ta cần thực hiện các giải pháp sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ tăng trưởng trong ngắn hạn trên cơ sở: i) Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ

dịch bệnh trong nước nhằm củng cố niềm tin đối với các nhà đầu tư; ii) Thúc đẩy đầu tư công hiệu quả trong nửa cuối năm để có thể bù đắp những khó khăn của nhiều ngành sản xuất trong nước do ảnh hưởng của dịch bệnh, từ đó tạo động lực cho nền kinh tế tăng trưởng trong giai đoạn khó khăn này; iii) Thực hiện các giải pháp như kích cầu tiêu dùng nội địa, phát triển thị trường trong nước và xuất khẩu, đảm bảo đầu ra cho các sản phẩm của doanh nghiệp có thị trường tiêu thụ ổn định.

Thứ hai, tiếp tục cải thiện và đẩy mạnh cải thiện chính sách để thu hút và đón các dòng vốn đầu tư trên thế giới vào Việt Nam. Đại dịch Covid-19 sẽ tăng khả năng bảo hộ thương mại và đầu tư của các nước trên thế giới nhưng Việt Nam nên tiếp tục giảm bớt các hạn chế đối với dòng vốn FDI. Ưu tiên thu hút vốn FDI vào: i) Một số lĩnh vực có nền tảng số hoá như công nghệ thông tin, viễn thông để phát triển cơ sở hạ tầng mạng, bắt kịp với xu hướng số hoá trên thế giới để tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư khi vào Việt Nam; ii) Các lĩnh vực có nhiều triển vọng thu hút FDI trong thời gian tới như dệt may và thiết bị y tế; iii) Tiếp tục tiến hành cải cách hành chính đối với các lĩnh vực đầu tư nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Việt Nam; iv) Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư trong nước thông qua việc chống các hành vi tham nhũng và nâng cao trình độ của nguồn nhân lực.

Thứ ba, Việt Nam cần nhanh chóng xây dựng và công bố chính sách thu hút dịch chuyển dòng vốn đầu tư với các thông tin minh bạch, rõ ràng về lĩnh vực ưu tiên, địa phương ưu tiên; rà soát các khu công nghiệp để chuẩn bị cơ sở hạ tầng cho các dòng đầu tư mới. Song song với các chính sách thu hút, cần chọn lọc các dự án đầu

tư chất lượng, công nghệ cao và thân thiện môi trường vào Việt Nam.

Thứ tư, Việt Nam cần nhanh chóng triển khai các giải pháp để thực thi EVFTA và Hiệp định bảo hộ đầu tư giữa Việt Nam và EU (EVIPA) nhằm tận dụng được các cơ hội thu hút FDI từ các hiệp định này vào các lĩnh vực công nghệ cao và dịch vụ. Về phía Chính phủ, cần tăng cường thông tin về EVFTA và EVIPA cho doanh nghiệp và lựa chọn cách thức thông tin hợp lý để doanh nghiệp có thể thu nhận được các thông tin họ mong muốn. Về phía doanh nghiệp, cần chủ động tìm hiểu

về các hiệp định này và có các biện pháp để khai thác cũng như hợp tác với doanh nghiệp từ thị trường EU rộng lớn.

Thứ năm, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trong dài hạn là giải pháp bền vững để thu hút các dòng vốn FDI chất lượng cao vào Việt Nam trên cơ sở nâng cao năng lực chống chịu của nền kinh tế đối với các cú sốc từ bên ngoài, tận dụng tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực R&D♦

Tài liệu tham khảo:

1. AMRO (2020): *ASEAN+3 Regional Economic Outlook (AREO) 2020: ASEAN+3 in the global value network*, Singapore: ASEAN+3 Macroeconomic Research Office.
2. Cục Đầu tư nước ngoài (2018): *Tình hình đầu tư nước ngoài năm 2018*, <https://www.dautunuocngoai.gov.vn/detail/6109/tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2018>, truy cập ngày 5/9/2020.
3. Cục Đầu tư nước ngoài (2020a): *Tình hình đầu tư nước ngoài năm 2019*, Truy cập từ <https://www.dautunuocngoai.gov.vn/detail/6318/tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-nam-2019>, truy cập ngày 5/9/2020.
4. Cục Đầu tư nước ngoài (2020b): *Tình hình đầu tư nước ngoài 3 tháng đầu năm 2020*, truy cập từ <https://www.dautunuocngoai.gov.vn/tinbai/6344/Tinh-hinh-Dau-tu-nuoc-ngoai-3-thang-dau-nam-2020>, truy cập ngày 10/9/2020.
5. Cục đầu tư nước ngoài (2020c): *Tình hình đầu tư nước ngoài 7 tháng đầu năm 2020*, <https://www.dautunuocngoai.gov.vn/tinbai/6374/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-7-thang-dau-nam-2020>, truy cập ngày 10/9/2020.
6. Cục đầu tư nước ngoài (2020d): *Tình hình đầu tư nước ngoài 8 tháng đầu năm 2020*, truy cập từ <https://www.dautunuocngoai.gov.vn/tinbai/6374/Tinh-hinh-thu-hut-dau-tu-nuoc-ngoai-7-thang-dau-nam-2020>, truy cập ngày 10/9/2020.
7. Cục đầu tư nước ngoài (2020e): *Tình hình đầu tư nước ngoài 9 tháng đầu năm 2020*, <https://www.dautunuocngoai.gov.vn/tinbai/6387/Tinh-hinh-Dau-tu-nuoc-ngoai-9-thang-nam-2020>, truy cập ngày 10/10/2020.
8. IMF (2020a): *World economic outlook update – June 2020: A crisis like no other, an uncertain recovery*, International Monetary Fund.

9. IMF (2020b): *World economic outlook - October 2020: A long and difficult ascent*, International Monetary Fund.
10. OECD (2020): *OECD Policy responses to Coronavirus (Covid-19): Foreign direct investment flows in the time of Covid-19*, Organization for Economic Cooperation Development.
11. Tổng cục Hải quan Việt Nam (2020): *Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2019*: [https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1734&Category=Ph%](https://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=1734&Category=Ph%20), truy cập ngày 10/9/2020
12. Tổng cục Thống kê (2020): *GDP Việt Nam 9 tháng năm 2020 tăng trưởng khả quan trong bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái*, <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/10/gdp-viet-nam-9-thang-nam-2020-tang-truong-kha-quan-trong-boi-can-kinh-te-the-gioi-suy-thoai/>, truy cập ngày 20/10/2020.
13. Thomson, Listair (2020): *The Great Lockdown: Worst Economic Downturn Since the Great Depression*, <https://www.imf.org/en/News/Articles/2020/03/23/pr2098-imf-managing-director-statement-following-a-g20-ministerial-call-on-the-coronavirus-emergency>, truy cập ngày 5/9/2020.
14. Thùy An (2020): *Nhiều nước sốc khi 15 doanh nghiệp Nhật chọn Việt Nam*, Báo điện tử VTV News, 24/7/2020, Truy cập từ: <https://www.vtv.vn/kinh-te/nhieu-nuoc-lan-can-soc-khi-15-doanh-nghiep-nhat-chon-viet-nam-20200724070811522.htm>, 20/8/2020.
15. UNCTAD (2020): *World investment report 2020: International production beyond the pandemic*, New York: United Nations Conference on Trade and Development.

Thông tin tác giả:

TS. VŨ THANH HƯƠNG *Trường Đại học Kinh tế,*
NGUYỄN HẢI LÝ *Đại học Quốc gia Hà Nội*
Email: huongvt@vnu.edu.vn